

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 7 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 36



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4903000409 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09/8/2007.

Ngày 25/7/2011 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/7/2011.

Ngày 20/6/2019 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn theo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ tám (8) cấp ngày 20/6/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là LONG SON PETROLEUM INDUSTRIAL ZONE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: LONG SON PIC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch Bổ nhiệm kể từ ngày 26/6/2020
Ông Nguyễn Đức Đạt	Nguyên Chủ tịch Miễn nhiệm từ ngày 26/6/2020
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên
Ông Lê Công Trung	Thành viên
Ông Đặng Việt Hưng	Thành viên độc lập
Ông Trần Ngọc Hưng	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Công Trung	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Bằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Chuyên	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Lê Công Trung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2020

Số: 607/2020/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (LONG SON PIC)**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn, được lập ngày 30/7/2020, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và kiểm toán viên đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 316/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ký ngày 25/3/2020 có ý kiến dạng ngoại trừ. Các vấn đề ngoại trừ tại báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2019 vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020, cụ thể:

Như Thuyết minh số 5.4 - mục (ii), tại ngày 30/6/2020, nợ phải thu liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu Khí 12.9 số tiền 44.995.958.977 đồng, chúng tôi chưa thu thập được văn bản thỏa thuận giữa Công ty và các bên có liên quan về gia hạn thời hạn thu hồi công nợ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu Khí Nghệ An và khoản nợ phải thu đến hạn chưa thu được từ Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai thông qua Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được giá trị có thể thu hồi của khoản nợ phải thu và ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 của Công ty.

Tại ngày 30/6/2020, nợ phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ của dự án Khách sạn Dầu khí Kinh Bắc số 56/2010/HĐ/PVC.KBC-PIVLS ngày 04/12/2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc với giá trị 15 tỷ đang được trình bày tại khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán. Dự án trên đã ngừng triển khai, tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ này, chúng tôi cũng không có đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra đề nghị điều chỉnh liên quan đến việc trích lập dự phòng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng thu hồi của khoản công nợ nêu trên và ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/6/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính. Khoản công nợ phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng được thanh toán thông qua Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí (“PVC”). Khoản công nợ này sẽ được thu hồi trong vòng 15 năm không tính lãi và giải ngân trực tiếp vào tài khoản của PVC để PVC – IDICO (nay là LONG SON PIC) thu hồi công nợ theo từng lần thanh toán.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		560.723.711.615	611.634.718.101
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.934.278.743	605.906.361
1. Tiền	111		13.934.278.743	605.906.361
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		43.900.000.000	115.390.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	43.900.000.000	115.390.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.117.506.547	85.481.703.233
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	34.380.500.558	39.126.948.912
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		991.037.984	1.079.395.856
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	52.047.502.250	47.576.892.710
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(2.301.534.245)	(2.301.534.245)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	407.308.501.182	400.078.916.516
1. Hàng tồn kho	141		407.308.501.182	400.078.916.516
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		10.463.425.143	10.078.191.991
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	47.250.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.416.175.143	10.078.191.991
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		332.340.150.182	329.682.177.279
I Các khoản phải thu dài hạn	210		156.058.034.395	157.616.192.652
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	156.058.034.395	157.616.192.652
II Tài sản cố định	220		4.411.166.149	2.530.094.157
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	4.411.166.149	2.530.094.157
- Nguyên giá	222		6.223.436.594	4.034.818.412
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.812.270.445)	(1.504.724.255)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		41.782.000	41.782.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.782.000)	(41.782.000)
III Tài sản dở dang dài hạn	240		19.696.817.436	16.655.249.130
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	19.696.817.436	16.655.249.130
IV Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	138.761.067.512	138.761.067.512
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		185.287.750.000	185.287.750.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		67.882.391.454	67.882.391.454
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(114.409.073.942)	(114.409.073.942)
V Tài sản dài hạn khác	260		13.413.064.690	14.119.573.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	13.413.064.690	14.119.573.828
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		893.063.861.797	941.316.895.380

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2020	01/01/2020
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		76.367.177.514	130.910.816.740
I Nợ ngắn hạn	310		76.367.177.514	130.910.816.740
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	622.628.677	4.725.865.292
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.689.269.721	1.669.232.216
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	20.680.288	55.496.502
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	10.136.715.019	11.191.718.911
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	44.695.133.809	41.875.753.819
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	19.202.750.000	71.392.750.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		816.696.684.283	810.406.078.640
I Vốn chủ sở hữu	410	5.17	816.696.684.283	810.406.078.640
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		827.222.120.000	827.222.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		827.222.120.000	827.222.120.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(735.703.081)	(735.703.081)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.264.138.227	12.264.138.227
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		949.808.972	949.808.972
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(23.003.679.835)	(29.294.285.478)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(29.294.285.478)	(27.215.150.520)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		6.290.605.643	(2.079.134.958)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		893.063.861.797	941.316.895.380

Người lập biểu



Lê Thị Kim Anh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2020

Kế toán trưởng



Phạm Quang Tùng

Tổng Giám đốc



Lê Công Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	1.003.204.080	13.555.213.784
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	735.567.716	757.628.216
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	267.636.364	12.797.585.568
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	-	11.782.745.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		267.636.364	1.014.839.576
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	9.884.915.159	13.178.821.606
7. Chi phí tài chính	22	5.21	539.632.630	728.522.214
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		539.632.630	728.522.214
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	95.463.569	48.847.134
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	2.929.676.985	4.207.004.730
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		6.587.778.339	9.209.287.104
11. Thu nhập khác	31	5.24	78.327.304	275.604.479
12. Chi phí khác	32	5.24	375.500.000	72.800.300
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(297.172.696)	202.804.179
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.290.605.643	9.412.091.283
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.290.605.643	9.412.091.283
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	76	114

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Kim Anh

Phạm Quang Tùng

Lê Công Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.290.605.643	9.412.091.283
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	307.546.190	46.893.522
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.613.840.364)	(13.178.821.606)
- Chi phí lãi vay	06	539.632.630	728.522.214
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	3.523.944.099	(2.991.314.587)
- Biến động các khoản phải thu	09	1.584.371.791	47.239.202.543
- Biến động hàng tồn kho	10	(7.229.584.666)	(10.489.442.214)
- Biến động các khoản phải trả	11	(1.300.934.549)	(1.239.803.744)
- Biến động chi phí trả trước	12	659.259.138	641.692.321
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.558.158.257)	(728.522.214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.321.102.444)	32.431.812.105
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.230.186.488)	(1.025.923.173)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(39.780.000.000)	(131.320.323.288)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	111.270.000.000	98.411.175.891
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	30.227.250.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.613.840.364	567.975.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	69.873.653.876	(3.139.844.882)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(52.190.000.000)	(30.227.250.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(34.179.050)	(921.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(52.224.179.050)	(30.228.171.150)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	13.328.372.382	(936.203.927)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	605.906.361	1.428.076.629
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	13.934.278.743	491.872.702

Người lập biểu



Lê Thị Kim Anh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2020

Kế toán trưởng



Phạm Quang Tùng

Tổng Giám đốc



Lê Công Trung

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4903000409 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09/8/2007.

Ngày 25/7/2011 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/7/2011.

Ngày 20/6/2019 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ tám (8) cấp ngày 20/6/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là LONG SON PETROLEUM INDUSTRIAL ZONE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: LONG SON PIC.

Công ty hiện đang niêm yết tại sàn UPCoM - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PXL

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 3, tòa nhà Khang Thông, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex	15.802.005	158.020.050.000	19,10%
Tổng công ty IDICO - CTCP	7.064.103	70.641.030.000	8,54%
Các cổ đông khác	59.856.104	598.561.040.000	72,36%
Cộng	82.722.212	827.222.120.000	100%

Số lao động tại ngày 30/6/2020: 23 người.(tại ngày 31/12/2019 là 20 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình công nghiệp; Công trình giao thông (cầu, đường, cống); Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng công trình đường ống cấp- thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế; Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, dầu khí, khai khoáng, lâm nghiệp, nông nghiệp và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Đầu tư kinh doanh bất động sản.

1.3. Chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty thường từ 3 năm đến 5 năm được thực hiện theo tiến độ dự toán của từng dự án xây dựng cụ thể. Đối với các hoạt động kinh doanh khác thì chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/6/2020, Công ty có các công ty liên kết như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Vốn nắm giữ (%)</u>	<u>Quyền biểu quyết (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC Metal)	20,00%	20,00%	Kinh doanh thiết bị nội, ngoại thất
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	46,86%	46,86%	Xây lắp, dịch vụ tư vấn, Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tiền và tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính .

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

	Số năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
Thiết bị văn phòng	03

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba (03) năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 2 đến 3 năm. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng. Tiền thuê được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Ghi nhận chi phí tài chính

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư kinh doanh bất động sản và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	702.351.099	438.539.287
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.231.927.644	167.367.074
Cộng	13.934.278.743	605.906.361

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	-	2.100.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	4.380.000.000	4.380.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh 3/2	-	42.700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Điền	4.195.000.000	4.905.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	-	26.295.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	25.535.000.000	22.500.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	9.790.000.000	12.510.000.000
Tổng	43.900.000.000	115.390.000.000

Tại ngày 30/6/2020, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có giá trị là 43,9 tỷ đồng; kỳ hạn trong vòng 3 tháng bằng đồng Việt Nam; lãi suất theo quy định tại Ngân hàng Nhà nước và tại thời điểm ngân hàng phát sinh giao dịch.

5.3 Phải thu khách hàng

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	34.380.500.558	39.126.948.912
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Khang Gia	5.686.145.662	5.686.145.662
Phải thu khách hàng mua chung cư Long Sơn Building	-	5.000.203.929
Công ty TNHH Đầu tư Bất Động sản An Phước Lộc	2.760.144.037	2.760.144.037
Các đối tượng phải thu còn lại	25.934.210.859	25.680.455.284
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Trong đó số dư các bên liên quan	91.000.000	91.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	91.000.000	91.000.000
Cộng	34.380.500.558	39.126.948.912

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẤU B 09 a - DN

5.4 Phải thu khác

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	52.047.502.250	2.210.534.245	47.576.892.710	2.210.534.245
a1. Đầu tư các dự án không hình thành cơ sở đồng kiểm soát	14.585.883.539	-	14.585.883.539	-
Dự án khu dân cư Nam Long, tỉnh Long An	6.585.883.539	-	6.585.883.539	-
Dự án chung cư Nam An, Bình Hưng Hòa, Bình Tân	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
a2. Phải thu cổ tức	2.210.534.245	2.210.534.245	2.210.534.245	2.210.534.245
Công ty Cổ phần Nội ngoại thất Dầu Khí (PVC - Metal)	987.000.000	987.000.000	987.000.000	987.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	1.223.534.245	1.223.534.245	1.223.534.245	1.223.534.245
a3. Trích trước lãi tiền gửi, lợi nhuận được chia	13.223.766.988	-	13.974.509.556	-
a4. Phải thu phí bảo trì các căn hộ chung cư	144.790.652	-	144.790.652	-
a5. Phải thu tạm ứng lương cho người lao động	172.000.000	-	159.000.000	-
a6. Tạm ứng	324.859.950	-	206.779.950	-
a7. Phải thu khác	21.385.666.876	-	16.295.394.768	-
b) Dài hạn	156.058.034.395	-	157.616.192.652	-
Dự án Khu nhà thương mại Thương Bình Hiệp (i)	42.825.000.000	-	42.825.000.000	-
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9 (Nay là Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An) (ii)	98.233.034.395	-	99.791.192.652	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (iii)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Cộng	208.105.536.645	2.210.534.245	205.193.085.362	2.210.534.245

(i) Thể hiện khoản vốn góp đầu tư vào Dự án Khu nhà ở thương mại Thương Bình Hiệp tại xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Nghị quyết số 115/NQ-HĐQT ngày 28/9/2010 của Hội đồng quản trị và hợp đồng hợp tác đầu tư số 174/2010/HĐHTĐT ngày 28/9/2010 giữa ba bên gồm Công ty Cổ phần Dầu tu và Thương mại Dầu khí Sông Hồng (Nay là Công ty Cổ phần Vạn Khởi Thành “Công ty VKT”), Công ty Cổ phần Dầu tu Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) và Công ty với tổng mức đầu tư dự kiến là 465 tỷ đồng (gồm 35% từ vốn góp các bên tương đương 162,75 tỷ đồng và 65% từ vốn vay và huy động khác tương đương 302,25 tỷ đồng. Tỷ lệ góp vốn của các bên lần lượt là 40%; 30%; 30%, các bên thỏa thuận phương thức hợp tác là cùng góp vốn, cùng hợp tác thực hiện và cùng phân chia lợi nhuận, rủi ro theo tỷ lệ góp vốn mà không thành lập pháp nhân. Tại thời điểm 30/6/2020, Công ty đã thực hiện góp 42.825.000.000 đồng (tại 31/12/2019 là 42.825.000.000 đồng). Hiện nay Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận 03 bên với Công ty VKT và Petroland về việc Công ty VKT hoàn trả lại cho Công ty phần vốn góp vào dự án với tỷ lệ hoàn trả lại gấp 1,2 lần so với vốn góp ban đầu. Công ty VKT đã thực hiện chuyển tiền đặt cọc cho Công ty với số tiền là 6 tỷ đồng, số tiền còn lại Công ty VKT đang xin giãn thời hạn thanh toán do gặp khó khăn về tài chính, tuy nhiên Công ty không đồng ý, Công ty đang làm thủ tục chấm dứt văn bản thỏa thuận và tìm đối tác khác đủ năng lực tài chính để chuyển nhượng phần vốn góp tại Dự án.

5.4 Phải thu khác (Tiếp theo)

- (ii) Là khoản nợ phải thu liên quan đến liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Dầu Khí 12.9 (nay là Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An) số 29/HĐCN/PIVLS-PVNC ký ngày 19/4/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu Khí Nghệ An (“PVNC”) với số tiền gốc là 104.920.000.000 đồng (số lượng cổ phần của PVC- IDICO “Nay là LONG SON PIC” là 10.000.000 cổ phần).

Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An đã thực hiện ký kết hợp đồng chuyển nhượng số 28/HĐ-PVNC-VISSAI ngày 04/3/2015 với Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai (“VISSAI”) về việc chuyển nhượng số lượng cổ phần nói trên với giá trị là 9.219 đồng/cổ phần (giá trị chuyển nhượng 92.190.000.000 đồng).

Phần chênh lệch giữa giá trị chuyển nhượng ký hợp đồng với VISSAI so với số tiền gốc 104.920.000.000 đồng là 12.730.000.000 đồng. PVNC có nghĩa vụ thanh toán cho PVC – IDICO (Nay là LONG SON PIC). Tại ngày 30/6/2020, số dư phải thu PVNC là 12.730.000.000 đồng đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Đối với Số tiền 92.190.000.000 đồng thuộc nghĩa vụ của VISSAI, theo Nghị quyết số 139/NQ-XLDK ngày 30/3/2015 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (“PVC”) về việc thông qua các vấn đề liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp tại PVNC của PVC và PVC – IDICO (Nay là LONG SON PIC). Khoản công nợ này sẽ được thu hồi trong vòng 15 năm, số tiền phải thanh toán một kỳ là 512.158.079 đồng, không tính lãi và giải ngân trực tiếp vào tài khoản của PVC để PVC – IDICO (Nay là LONG SON PIC) thu hồi công nợ theo từng lần thanh toán khi VISSAI thanh toán tiền mua 10 triệu cổ phần nói trên. Tại ngày 30/6/2020, tổng số dư nợ đến hạn phải thu là 32.265.958.977 đồng nhưng Công ty chưa thu hồi được và cũng chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Căn cứ Biên bản thỏa thuận ngày 24/7/2017 giữa Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí – IDICO (PVC – IDICO “Nay là LONG SON PIC”) số tiền nhận được từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An sẽ được bù trừ với số tiền lãi phát sinh phải trả đến 26/9/2011 theo hợp đồng vay vốn từ nguồn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng TNHH MTV Đại dương thông qua Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 30/6/2020, số dư phải thu từ Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai thông qua PVC là 85.503.034.395 đồng.

Như vậy, tại ngày 30/6/2020 trong tổng số dư nợ 98.233.034.395 đồng thì nợ đến hạn phải thu là 44.995.958.977 đồng nhưng Công ty chưa thu hồi được và cũng chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng việc thu hồi số nợ phải thu này sẽ được thực hiện trong thời gian tới.

- (iii) Thể hiện khoản vốn góp theo tiến độ của Công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ của dự án Khách sạn Dầu khí Kinh Bắc số 56/2010/HĐ/PVC.KBC-PIVLS ngày 04/12/2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc thu hồi số tiền nói trên sẽ được thực hiện sau khi các bên kết thúc hợp đồng hợp tác kinh doanh do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc đơn phương vì phạm các nguyên tắc được quy định tại hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TỬ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.5 Nợ xấu

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	987.000.000	-	987.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	1.223.534.245	-	1.223.534.245	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	91.000.000	-	91.000.000	-
Cộng	2.301.534.245	-	2.301.534.245	-

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	395.601.382.237	-	388.368.546.279	-
Hàng hóa bất động sản	11.707.118.945	-	11.710.370.237	-
Cộng	407.308.501.182	-	400.078.916.516	-

(*) Đến ngày 30/6/2020, Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát đã hoàn thành công tác thi công, nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí ("PVC-IC"), trong đó Công ty là nhà điều hành. Hiện nay, Công ty đang yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn Khang Thông (Chủ đầu tư) khẩn trương thực hiện các thủ tục đóng tiền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước để hoàn thành chuyển đổi mục đích sử dụng đất dự án làm cơ sở cấp Giấy chủ quyền cho 180 căn hộ và hơn 5.000m² sàn trung tâm thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TỬ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dung cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2020	1.588.482.957	2.276.081.819	170.253.636	4.034.818.412
Tăng trong kỳ	-	2.188.618.182	-	2.188.618.182
Mua trong kỳ	-	2.188.618.182	-	2.188.618.182
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2020	1.588.482.957	4.464.700.001	170.253.636	6.223.436.594
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2020	-	1.421.871.514	82.852.741	1.504.724.255
Tăng trong kỳ	39.712.074	249.467.450	18.366.666	307.546.190
Khấu hao trong kỳ	39.712.074	249.467.450	18.366.666	307.546.190
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2020	39.712.074	1.671.338.964	101.219.407	1.812.270.445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2020	1.588.482.957	854.210.305	87.400.895	2.530.094.157
Tại ngày 30/6/2020	1.548.770.883	2.793.361.037	69.034.229	4.411.166.149

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/6/2020 là 1.290.454.546 đồng. (tại ngày 31/12/2019 là 1.392.290.182 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	47.250.000	-
- Chi phí khác	47.250.000	-
b) Dài hạn	13.413.064.690	14.119.573.828
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng (*)	13.345.734.771	14.048.141.865
- Chi phí chờ phân bổ khác	67.329.919	71.431.963
Cộng	13.460.314.690	14.119.573.828

(*) Chi phí trả trước là chi phí tiền thuê văn phòng đã trả trước cho 15 năm để thuê Lầu 3, tòa nhà Khang Thông tại địa chỉ số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Thời hạn thuê đến năm 2030.

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	41.782.000	41.782.000
Tăng trong kỳ	-	-
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2020	41.782.000	41.782.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	41.782.000	41.782.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2020	41.782.000	41.782.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2020	-	-
Tại 30/6/2020	-	-

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dự án 65 ha Chí Linh - Cửa Lấp	12.270.210.405	12.270.210.405
Dự án Khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn	7.426.607.031	4.385.038.725
Cộng	19.696.817.436	16.655.249.130

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ				30/6/2020 (VND)				01/01/2020 (VND)			
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)		
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết												
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC Metal)	20%	20%	1.400.000	185.287.750.000	47.289.072.267	762.389.779	1.400.000	14.000.000.000	14.000.000.000	47.289.072.267	762.389.779	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	46,86%	46,86%	17.128.775	171.287.750.000	33.289.072.267	762.389.779	17.128.775	171.287.750.000	33.289.072.267	762.389.779		
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác												
2.1 Đầu tư cổ phiếu												
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	8,14%	8,14%	2.850.000	28.500.000.000	27.737.610.221	762.389.779	2.850.000	28.500.000.000	27.737.610.221	762.389.779		
2.2 Đầu tư góp vốn												
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	7,33%	7,33%	1.100.000	39.382.391.454	39.382.391.454	762.389.779	1.100.000	11.000.000.000	11.000.000.000	762.389.779		
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	14,94%	14,94%	2.838.239	28.382.391.454	28.382.391.454	762.389.779	2.838.239	28.382.391.454	28.382.391.454	762.389.779		
Cộng				253.170.141.454	114.409.073.942	762.389.779		253.170.141.454	114.409.073.942	762.389.779		

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

Hoạt động của các công ty, đơn vị liên doanh liên kết mà Long Son PIC có tham gia góp vốn (PVC – Sài Gòn, PVC – Bình Sơn, PVC – Kinh Bắc, PVC – Metal, Khách sạn Lam Kinh) thời gian vừa qua cho đến nay hầu hết có kết quả kinh doanh thua lỗ, âm vốn điều lệ hoặc gần như không hoạt động. Công ty đã xem xét, đánh giá trích lập dự phòng cho những khoản góp vốn vào các đơn vị nói trên để đảm bảo sự an toàn tài chính và tuân thủ các quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.12 Phải trả người bán

	30/6/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	622.628.677	622.628.677	4.725.865.292	4.725.865.292
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC- IC)	344.668.885	344.668.885	4.144.668.885	4.144.668.885
Các đối tượng còn lại	277.959.792	277.959.792	581.196.407	581.196.407
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	622.628.677	622.628.677	4.725.865.292	4.725.865.292

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020 VND		Số phải nộp trong kỳ VND		Số đã nộp trong kỳ VND		30/6/2020 VND	
Phải nộp	55.496.502	121.473.303	121.473.303	156.289.517	156.289.517	20.680.288	12.144.650	
Thuế thu nhập cá nhân	46.960.864	121.473.303	121.473.303	156.289.517	156.289.517	12.144.650	8.535.638	
Các loại thuế khác	8.535.638	-	-	-	-	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.14 Chi phí phải trả

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.136.715.019	11.191.718.911
Lãi vay phải trả	9.215.066.215	10.233.591.842
Tiền lương phải trả	225.948.947	209.175.920
Chi phí phải trả khác	695.699.857	748.951.149
b) Dài hạn	-	-
Cộng	10.136.715.019	11.191.718.911

5.15 Phải trả khác

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	44.695.133.809	41.875.753.819
Kinh phí công đoàn	47.669.128	30.489.186
Bảo hiểm xã hội	-	14.631.652
Bảo hiểm y tế	-	8.384.057
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.655.003
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.908.344.087	9.942.523.137
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.739.120.594	31.877.070.784
b) Dài hạn	-	-
Cộng	44.695.133.809	41.875.753.819

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả hợp doanh dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát	28.106.300.000	28.106.300.000
- Giá trị góp vốn (tiền đất) của PVC - IDICO vào dự án còn phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Khang Thông	8.760.500.000	8.760.500.000
- Giá trị góp vốn 5% vốn góp (tiền đất) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khang Thông	6.448.600.000	6.448.600.000
- Giá trị góp vốn 10% vốn góp (tiền đất) của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	12.897.200.000	12.897.200.000
Phải trả về tiền phí bảo trì các căn hộ của dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát	3.052.396.586	3.052.396.586
Nhận đặt cọc từ cho thuê căn hộ các dự án	3.468.320.000	632.000.000
Phải trả khác	112.104.008	86.374.198
Cộng	34.739.120.594	31.877.070.784

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẤU B 09 a - DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2020 (VND)		Trong kỳ		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	19.202.750.000	19.202.750.000	-	52.190.000.000	71.392.750.000	71.392.750.000
Cộng	19.202.750.000	19.202.750.000	-	52.190.000.000	71.392.750.000	71.392.750.000

Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng không xác định thời hạn từ hợp đồng vay nguồn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương thông qua Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Mục đích vay để thanh toán tiền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn. Khoản vay này đã được bổ sung tài sản đảm bảo bằng chứng nhận sở hữu cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu khí Bình Sơn thông qua hợp đồng cầm cố TSEB số 35/2016/HĐCC-PVC-PVC-IDICO ngày 29 tháng 06 năm 2016 và chịu lãi tiền vay với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn theo Quyết định số 16/QĐ-XLKD ngày 15 tháng 01 năm 2015 về việc phê duyệt điều chỉnh giảm lãi suất cho các đơn vị có nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương, lãi vay cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2019 là 1%. Số dư nợ gốc vay ủy thác tại ngày 30/6/2020 là 19.202.750.000 đồng (tại ngày 01/01/2020 là 71.392.750.000 đồng).

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(27.215.150.520)	812.485.213.598
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	(2.079.134.958)	(2.079.134.958)
Lỗ kinh doanh trong năm	-	-	-	-	(2.079.134.958)	(2.079.134.958)
Số dư tại ngày 31/12/2019	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(29.294.285.478)	810.406.078.640
Số dư tại ngày 01/01/2020	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(29.294.285.478)	810.406.078.640
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	6.290.605.643	6.290.605.643
Lãi kinh doanh trong kỳ	-	-	-	-	6.290.605.643	6.290.605.643
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2020	827.222.120.000	(735.703.081)	12.264.138.227	949.808.972	(23.003.679.835)	816.696.684.283

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	132.360.050.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex	158.020.050.000	-
Tổng công ty IDICO - CTCP	70.641.030.000	70.641.030.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	598.561.040.000	624.221.040.000
Cộng	827.222.120.000	827.222.120.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	827.222.120.000	827.222.120.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	827.222.120.000	827.222.120.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	82.574.412	82.574.412
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.722.212	82.722.212
Cổ phiếu phổ thông	82.722.212	82.722.212
Số lượng cổ phiếu được mua lại	147.800	147.800
Cổ phiếu phổ thông	147.800	147.800
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.574.412	82.574.412
Cổ phiếu phổ thông	82.574.412	82.574.412
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của Công ty

	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.264.138.227	12.264.138.227
Quỹ khác vốn chủ sở hữu	949.808.972	949.808.972
Cộng	13.213.947.199	13.213.947.199

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Doanh thu bán căn hộ	735.567.716	13.423.350.148
Doanh thu cho thuê căn hộ	267.636.364	131.863.636
Cộng	1.003.204.080	13.555.213.784
Trong đó:		
- Hàng bán bị trả lại	735.567.716	757.628.216
Cộng	735.567.716	757.628.216
Doanh thu thuần		
Doanh thu bán căn hộ	-	12.665.721.932
Doanh thu cho thuê căn hộ	267.636.364	131.863.636
Cộng	267.636.364	12.797.585.568

5.19 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	11.782.745.992
Cộng	-	11.782.745.992

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi	2.863.097.796	2.715.063.019
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	9.765.000.000
Lãi tiền ứng vốn cho hợp danh - Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát (*)	7.021.817.363	-
Lãi trả góp của các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản		698.758.587
Cộng	9.884.915.159	13.178.821.606

(*) Tiền lãi phát sinh từ số dư vốn đã ứng cho hợp danh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát là dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát giữa Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí ("PVC-IC"). Hiện nay, Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát đã hoàn thành công tác thi công, được nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng. Theo biên bản họp ngày 27/12/2019, các bên hợp danh đã thống nhất việc Công ty tiếp tục được tính và hưởng chi phí sử dụng vốn tương ứng với số dư vốn đã ứng cho hợp danh (220 tỷ) kể từ ngày 01/01/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.21 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lãi tiền vay	539.632.630	728.522.214
Cộng	539.632.630	728.522.214

5.22 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	95.463.569	48.847.134
Cộng	95.463.569	48.847.134

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.017.259.522	1.724.814.022
Chi phí vật liệu quản lý	27.727.021	74.158.442
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.008.704	32.602.501
Chi phí khấu hao TSCĐ	211.244.040	46.893.522
Thuế phí và lệ phí	56.268.851	40.999.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	794.394.501	1.412.420.919
Chi phí bằng tiền khác	802.774.346	875.115.979
Cộng	2.929.676.985	4.207.004.730

5.24 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Các khoản khác	78.327.304	275.604.479
Cộng	78.327.304	275.604.479
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	375.500.000	72.800.300
Cộng	375.500.000	72.800.300
Thu nhập khác thuần	-297.172.696	202.804.179

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
1.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.290.605.643	9.412.091.283
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>		
<i>Chi phí không được trừ</i>	711.307.327	294.882.524
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
1.2 Thu nhập chịu thuế	7.001.912.970	9.706.973.807
1.3 Chuyển lỗ của các năm trước	7.001.912.970	9.706.973.807
1.4 Thu nhập tính thuế	-	-
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập tính thuế.

Tình hình chuyển lỗ của Công ty trong kỳ:

Năm	Số lỗ tính thuế VND	Chuyển lỗ tính thuế năm 2019 VND	Chuyển lỗ tính thuế năm 2015 VND
Lỗ tính thuế năm 2015	5.768.441.806	-	-
Lỗ tính thuế năm 2019	1.248.417.637	-	-
Tổng số lỗ được chuyển	7.016.859.443		
Chuyển lỗ năm 2020	7.001.912.970	1.233.471.164	5.768.441.806
Tổng số lỗ đã chuyển	7.001.912.970	1.233.471.164	5.768.441.806
Lỗ tính thuế còn được chuyển tại ngày 30/6/2020	14.946.473	-	-

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.290.605.643	9.412.091.283
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.290.605.643	9.412.091.283
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	82.574.412	82.574.412
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	76	114

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.735.725	106.760.943
Chi phí nhân công	1.112.723.091	1.773.661.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.546.190	46.893.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	794.394.501	1.305.975.561
Chi phí khác bằng tiền	859.043.197	1.039.049.922
Cộng	3.121.442.704	4.272.341.104

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TỬ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SƠN
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	1.177.946.990	1.317.660.682

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giao dịch mua				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí xây lắp dự án Huỳnh Tấn Phát	3.800.000.000	-
Cộng			<u>3.800.000.000</u>	<u>-</u>
Giao dịch khác				
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cổ đồng sáng lập	Lãi vay	539.632.630	728.522.214
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Cổ đồng góp vốn	Trả cổ tức	-	-
Các cổ đồng khác	Cổ đồng góp vốn	Trả cổ tức	-	8.281.500
Cộng			<u>539.632.630</u>	<u>736.803.714</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ LONG SON
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Số dư phải thu các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Phải thu khách hàng	91.000.000	91.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Phải thu khác	987.000.000	987.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Phải thu khác	1.223.534.245	1.223.534.245
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Phải thu khác	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Tổng công ty Xây dựng Dầu khí Nghệ An	Phải thu khác	12.730.000.000	12.730.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phải thu khác	98.233.034.395	99.791.192.652

Số dư phải trả các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	30/6/2020 VND	01/01/2020 VND
Tổng công ty IDICO - CTCP	Phải trả người bán	36.566.763	36.566.763
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Vay ngắn hạn	19.202.750.000	71.392.750.000
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phải trả khác	9.215.066.215	10.233.591.842
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	Phải trả khác	2.160.000.000	2.160.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phải trả người bán	344.668.885	4.144.668.885
	Chi phí xây lắp dự án Huỳnh Tấn Phát		

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.934.278.743	605.906.361
Phải thu khách hàng và phải thu khác	239.859.643.008	241.811.720.079
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.900.000.000	115.390.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	67.882.391.454	67.120.001.675
Tổng	365.576.313.205	424.927.628.115
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	19.202.750.000	71.392.750.000
Phải trả người bán và phải trả khác	45.317.762.486	46.601.619.111
Chi phí phải trả	10.136.715.019	11.191.718.911
Cộng	74.657.227.505	129.186.088.022

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 30/6/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	45.317.762.486	-	45.317.762.486
Chi phí phải trả	10.136.715.019	-	10.136.715.019
Các khoản vay	19.202.750.000	-	19.202.750.000
Tổng	74.657.227.505	-	74.657.227.505
Tại ngày 01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	46.601.619.111	-	46.601.619.111
Chi phí phải trả	11.191.718.911	-	11.191.718.911
Các khoản vay	71.392.750.000	-	71.392.750.000
Cộng	129.186.088.022	-	129.186.088.022

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Tại ngày 30/6/2020	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.934.278.743	-	13.934.278.743
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.801.608.613	156.058.034.395	239.859.643.008
Đầu tư tài chính ngắn hạn	43.900.000.000	-	43.900.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	67.882.391.454	67.882.391.454
Cộng	141.635.887.356	223.940.425.849	365.576.313.205
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Tại ngày 01/01/2020	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	605.906.361	-	605.906.361
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.195.527.427	157.616.192.652	241.811.720.079
Đầu tư tài chính ngắn hạn	115.390.000.000	-	115.390.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	67.120.001.675	67.120.001.675
Cộng	200.191.433.788	224.736.194.327	424.927.628.115

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 đã được soát xét.

Người lập

Lê Thị Kim Anh

Kê toán trưởng

Phạm Quang Tùng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lê Công Trung